

THÀNH PHẦN LOÀI VÀ PHÂN BỐ CỦA CÁC LOÀI THUỘC CHI BƯỚM BẠC (*Mussaenda* L.) Ở LÂM ĐỒNG

Quách Văn Hợi¹, Vũ Kim Công¹, Trần Thái Vinh¹, H'Yon Nê Bing¹,
Đặng Thị Thắm¹, Nguyễn Thị Hồng² và Nông Văn Duy¹

¹Viện Nghiên cứu Khoa học Tây Nguyên,

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

²Khoa Sau đại học, Trường Đại học Đà Lạt

TÓM TẮT

Thành phần loài Bướm bạc ở Lâm Đồng được nghiên cứu dựa trên mẫu vật thu được thông qua các chuyến điều tra khảo sát và dựa trên các tiêu bản lưu giữ ở các Bảo tàng thực vật trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Kết quả điều tra có 10 loài được ghi nhận ở Lâm Đồng: *Mussaenda chevalieri* Pit., *Mussaenda densiflora* H. L. Li, *Mussaenda erosa* Champ. Ex Benth., *Mussaenda hoaensis* Pierre ex Pit., *Mussaenda longipetala* H. L. Li, *Mussaenda philippica* A. Rich., *Mussaenda pubescens* Ait. F., *Mussaenda squiresii* Merr., *Mussaenda theifera* Pierre ex Pit., *Mussaenda thorelii* Pit. Hiện nay điều kiện môi trường sống tự nhiên của chúng bị thay đổi, do đó cần có nhiều giải pháp cần thiết để bảo tồn và phát triển các loài có giá trị làm thuốc và thẩm mỹ này.

Từ khóa: Bướm bạc
(*Mussaenda* L.),
Lâm Đồng

Species composition and distribution of species of the genus *Mussaenda* L. in Lam Dong province

A synopsis of the genus *Mussaenda* L. in Lam Dong province was made by mean of literature search, consultation of the herbarium specimens, and surveys of several localities through Lam Dong province. There are 10 species in genus *Mussaenda* L. in the total are found in Lam Dong province including: *Mussaenda chevalieri* Pit., *Mussaenda densiflora* H. L. Li, *Mussaenda erosa* Champ. ex Benth., *Mussaenda hoaensis* Pierre ex Pit., *Mussaenda longipetala* H. L. Li, *Mussaenda philippica* A. Rich., *Mussaenda pubescens* Ait. F., *Mussaenda squiresii* Merr., *Mussaenda theifera* Pierre ex Pit., *Mussaenda thorelii* Pit. Genus *Mussaenda* L. is present in almost all the forests of Lam Dong province from 180m to 1,800m a.s.l. At present, the environment is changing, therefore, solutions should be found to conserve and develop them as medicinal and ornamental species.

Keywords: *Mussaenda* L.,
Lam Dong

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chi Bướm bạc (*Mussaenda* L.) là một chi lớn thuộc họ Cà phê (Rubiaceae), trên thế giới có khoảng 160 loài, phân bố chủ yếu ở vùng nhiệt đới châu Phi, châu Á, Australia và Đông Nam Á (Pranom Chantaranothai, 2015). Việt Nam có 27 loài Bướm bạc được ghi nhận (Phạm Hoàng Hộ, 2000).

Các loài thuộc chi Bướm bạc có đặc trưng là lá dài lớn màu trắng hoặc hồng nhìn như cánh Bướm rất đẹp nên một số loài được trồng làm cảnh (Phạm Hoàng Hộ, 2000). Bên cạnh giá trị làm cảnh thì Bướm bạc còn được sử dụng làm thuốc. Trong 27 loài có ở Việt Nam thì có tới 6 loài đã được sử dụng làm thuốc (Võ Văn Chi, 1997). Còn theo Nguyễn Thanh Tú và đồng tác giả (2015) thì có loài Bướm bạc còn được dùng làm rau ăn. Như vậy, chi này có ý nghĩa lớn cả về làm cảnh và y học cần được quan tâm nghiên cứu.

Lâm Đồng là tỉnh nằm ở phía Nam Tây Nguyên - một trong những trung tâm đa dạng sinh học cao của Việt Nam, với tiềm năng lớn về tài nguyên thực vật trong đó có chi Bướm bạc. Cho đến nay, chưa thấy có công trình nghiên cứu nào về thành phần loài, vùng phân bố cũng như giá trị sử dụng của chi Bướm bạc ở Lâm Đồng. Với những lý do trên, nghiên cứu về “Thành phần loài và sự phân bố của các loài thuộc chi Bướm bạc (*Mussaenda* L.) ở Lâm Đồng” đã được thực hiện.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu là các loài thuộc chi Bướm bạc phân bố ở tỉnh Lâm Đồng. Tiêu bản được thu thập, xử lý và bảo quản tại phòng tiêu bản của Viện Nghiên cứu Khoa học Tây Nguyên (VTN).

Các tuyến điều tra đã được lập để tiến hành thu mẫu theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (1997). Định loại bằng phương pháp truyền thống là so sánh hình thái, kết hợp với các tài liệu nghiên cứu đã công bố trong và ngoài nước (Phạm Hoàng Hộ, 2000; Nguyễn Tiến Bản, 2005; Chen Tao *et al.*, 2011) và các mẫu tiêu bản gốc lưu giữ ở các Bảo tàng thực vật ở trong và ngoài nước như: Phòng tiêu bản Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN); Bảo tàng quốc gia Pháp ở Paris (P) qua hình ảnh online.

Đánh giá giá trị của loài dựa trên các tài liệu: Từ điển cây thuốc (Võ Văn Chi, 2008), Cây cỏ Việt Nam (Phạm Hoàng Hộ, 2000) và 1900 loài cây có ích ở Việt Nam (Trần Đình Lý, 1993).

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thành phần loài chi Bướm bạc ở Lâm Đồng

3.1.1. Danh lục thành phần loài Bướm bạc thu được ở Lâm Đồng

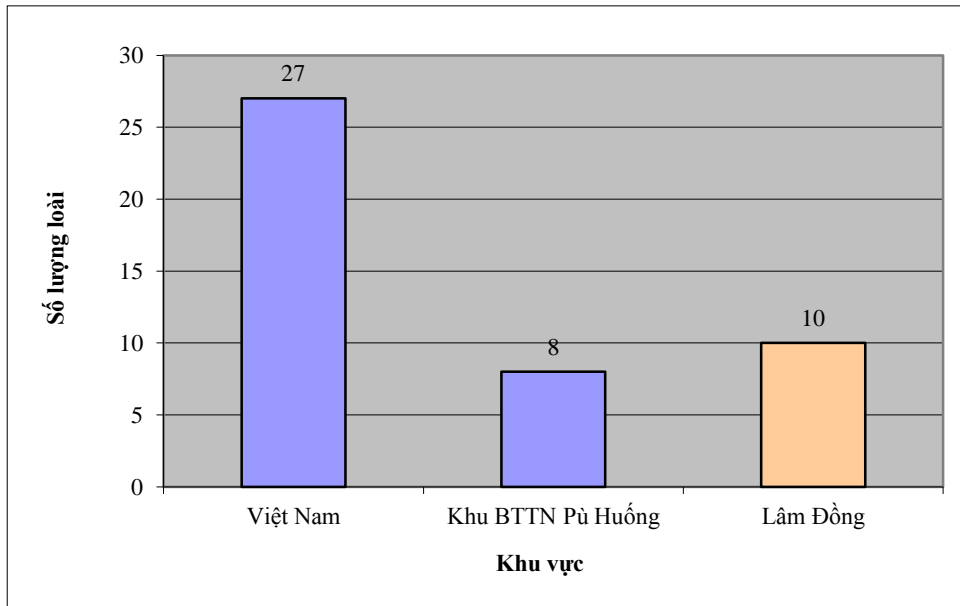
Qua điều tra thu mẫu và tiến hành phân loại, đã xác định được 10 loài thuộc chi Bướm bạc phân bố ở Lâm Đồng (bảng 1).

Bảng 1. Danh lục thành phần loài Bướm bạc ở Lâm Đồng

TT	Tên khoa học	Tên thông thường	Khu vực phân bố	Độ cao (m)
1	<i>Mussaenda chevalieri</i> Pit.	Bướm bạc Chevalier	Đà Lạt, Đơn Dương	950 - 1.450
2	<i>Mussaenda densiflora</i> H. L. Li	Bướm bạc hoa dày	Di Linh, Đam Rông, Đà Lạt, Lạc Dương	1.100 - 1.750
3	<i>Mussaenda erosa</i> Champ. Ex Benth.	Bướm bạc mơn	Có mặt ở khắp các địa bàn của Lâm Đồng	200 - 1.640
4	<i>Mussaenda hoaensis</i> Pierre ex Pit.	Bướm bạc biên hòa	Cát Tiên, Đạ Tẻh	180 - 450
5	<i>Mussaenda longipetala</i> H. L. Li	Bướm bạc cánh hoa dài	Đam Rông	1.250 - 1.450
6	<i>Mussaenda philippica</i> A. Rich.	Bướm bạc philipin	Đam Rông	1.200
7	<i>Mussaenda pubescens</i> Ait. F.	Bướm bạc lông	Lạc Dương, Đà Lạt	1.500 - 1.800
8	<i>Mussaenda squiresii</i> Merr.	Bướm bạc Squire	Lạc Dương	1.400 - 1.650
9	<i>Mussaenda theifera</i> Pierre ex Pit.	Bướm bạc trà	Đơn Dương	950 - 1.100
10	<i>Mussaenda thorelii</i> Pit.	Bướm bạc Thorel	Cát Tiên, Đạ Tẻh, Đạ Huoai, Bảo Lộc	200 - 860

Phạm Hoàng Hộ (2000) ghi nhận ở Lâm Đồng có 5 loài Bướm bạc, nhưng nghiên cứu này chỉ phát hiện 3 loài đã được ghi nhận trước đó gồm: *Mussaenda chevalieri* Pit., *Mussaenda pubescens* Ait. F., *Mussaenda squiresii* Merr., còn 2 loài *Mussaenda trondosa* L. và *Mussaenda dranesis* Wernh. không bắt gặp. Điều này có thể là do quá trình điều tra chưa gặp hoặc cũng có thể do môi trường sống thay đổi, rừng bị tàn phá đã làm mất đi những loài này. Như vậy, trong số 10 loài Bướm bạc đã xác định theo nghiên cứu này thì có 7 loài được phát hiện mới có phân bố ở Lâm Đồng gồm: *Mussaenda densiflora* H. L. Li, *Mussaenda erosa* Champ. Ex Benth.,

Mussaenda hoaensis Pierre ex Pit., *Mussaenda longipetala* H. L. Li, *Mussaenda philippica* A. Rich., *Mussaenda theifera* Pierre ex Pit., *Mussaenda thorelii* Pit.. Riêng loài *Mussaenda philippica* A. Rich., là loài trước đó chưa có nghiên cứu nào ghi nhận là có phân bố ngoài tự nhiên ở Việt Nam mà chỉ có ghi nhận là loài được trồng làm cảnh (Phạm Hoàng Hộ, 2000). So với số loài có ở Việt Nam là 27 loài (Phạm Hoàng Hộ, 2000) thì số loài có ở Lâm Đồng chiếm tới 26%. So với Khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Pù Huống có 6 loài (Hoàng Thanh Tú, 2015) thì số lượng loài ở đây cũng nhiều hơn (biểu đồ 1). Như vậy, chi Bướm bạc ở Lâm Đồng là khá đa dạng về thành phần loài.



Biểu đồ 1. Số loài Bướm bạc ở Lâm Đồng so với khu vực khác

Nghiên cứu này cũng xác định loài *Mussaenda pubescens* Ait.F. và *Mussaenda theifera* Pierre ex Pit. được sử dụng làm thuốc (Võ Văn Chi, 1997; Phạm Hoàng Hộ, 2000; Đỗ Tất Lợi, 2000). Loài *Mussaenda dehiscens* Craib được ghi nhận có mặt ở khu vực tỉnh Lâm Đồng, nhưng hiện nay loài này được chuyển sang chi *Schizomussaenda* với tên đầy đủ là *Schizomussaenda henryi* (Hutch.) X. F. Deng & D. X. Zhang (2008), vì vậy loài này đã không được đưa vào danh lục.

3.1.2. Chi tiết loài và đặc điểm phân bố của các loài Bướm bạc ở Lâm Đồng

- **Bướm bạc Chevalier - *Mussaenda chevalieri* Pit.** Fl. Indo-Chine 3: 183. 1923.

Phân bố: Rừng kín thường xanh mưa ẩm khu vực đèo Dran (Đà Lạt) và đèo Sông Pha (Đơn Dương) khu vực giáp ranh với Ninh Thuận.

Mẫu nghiên cứu: VTN1551 (Hình 1); Mẫu số sánh: P04010206 (Holotype. P).



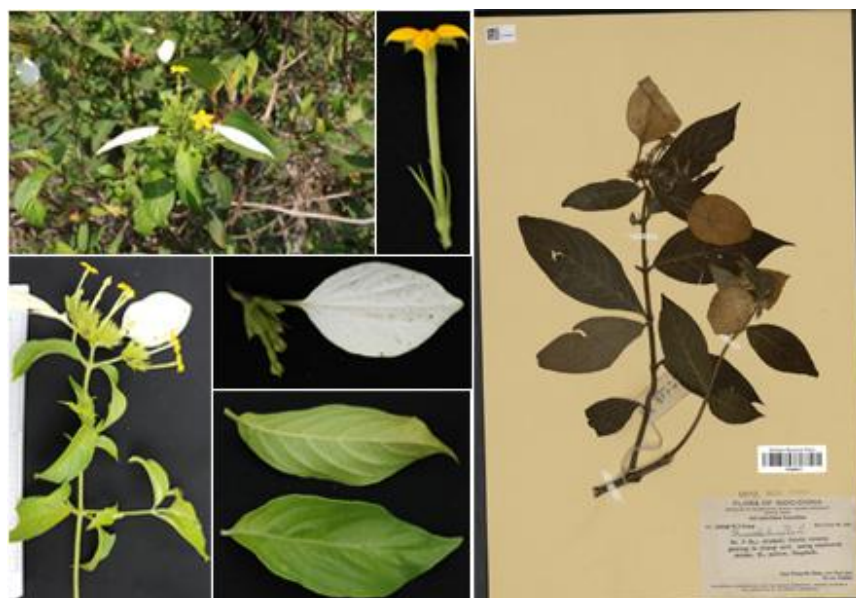
Hình 1. *Mussaenda chevalieri* Pit.

- **Bướm bạc hoa dày - *Mussaenda densiflora***
Li., J. Arnold Arbor. 24(4): 455 - 456. 1943.

Phân bố: Rừng kín thường xanh Vườn quốc gia Bidoup ở khu vực Suối Vàng (xã Lát - Lạc

Dương), rừng thứ sinh sau nương rẫy ở Di Linh, Đam Rông, rừng cây lá kim ở Đà Lạt.

Mẫu nghiên cứu: VTN1557, VTN1562 (hình 2);
Mẫu so sánh: P03980411 (P).



Hình 2. *Mussaenda densiflora* H. L. Li

- **Bướm bạc mòn - *Mussaenda erosa* Champ.**
Ex Benth. Hooker's J. Bot. Kew Gard. Misc. 4: 193 1852.

Phân bố: Ven đường đi khu vực rừng thứ sinh sau nương rẫy ở Phước Cát (Cát Tiên), Đạ Lây (Đạ Tẻh), đèo Chuối (Madagui - Đạ Huoai) và

Đạ Tôn (Đạ Huoai), rừng thường xanh đèo Bảo Lộc (Đạ Huoai), Bảo Lâm, Di Linh, Phi Liêng (Đam Rông), Suối vàng (Lạc Dương), Rừng cây lá kim Xuân Trường (Đà Lạt).

Mẫu nghiên cứu: VTN1559, VTN1567, VTN1572, VTN1574, VTN1579 (hình 3);
Mẫu so sánh: P03980416 (P).



Hình 3. *Mussaenda erosa* Champ. ex Benth.

- **Bướm bạc Biên Hòa** - *Mussaenda hoaensis* Pierre ex Pit. Fl. Indo-Chine 3: 190. 1923.

rộng và tre nứa ở Gia Viễn (Cát Tiên) và Mỹ Đức (Đạ Tẻh).

Phân bố: Rừng thường xanh mưa ẩm, rừng thứ sinh sau nương rẫy và rừng hỗn giao cây lá

Mẫu nghiên cứu: VTN1553 (hình 4); Mẫu so sánh: P03828104 (P).

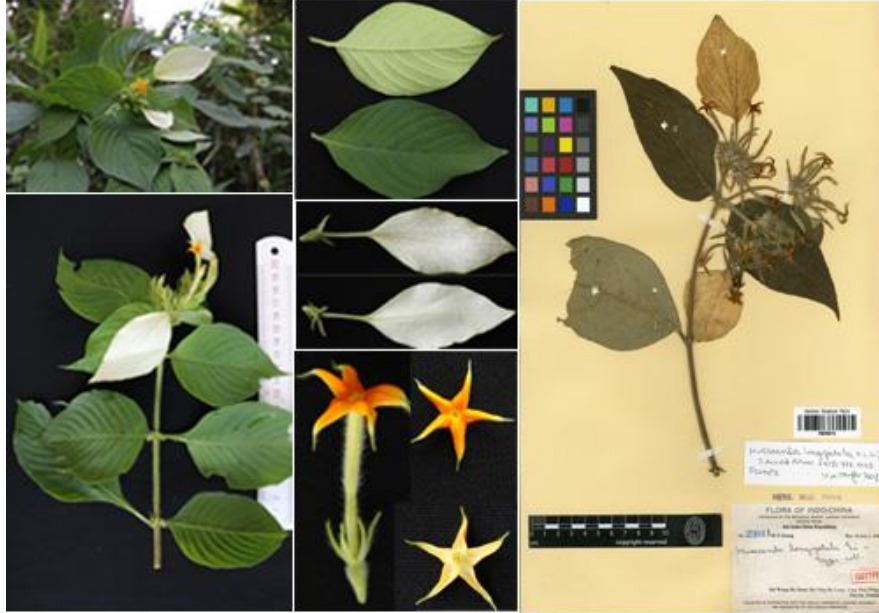


Hình 4. *Mussaenda hoaensis* Pierre ex Pit.

- **Bướm bạc cánh hoa dài** - *Mussaenda longipetala* Li., J. Arnold Arbor. 24 : 373. 1943

Mẫu nghiên cứu: VTN1552 (hình 5); Mẫu so sánh: P00753712 (Isotype. P).

Phân bố: Rừng thường xanh dọc theo quốc lộ 27 khu vực đèo Chuối (Phi Liêng - Đam Rông).



Hình 5. *Mussaenda longipetala* H. L. Li

- **Bướm bạc philipin** - *Mussaenda philippica* A. Rich. *Mém. Rubiac.* 165 1830.

Mẫu nghiên cứu: VTN1554 (hình 6); Mẫu so sánh: P00237778 (holotype. P); P03828160 (P).

Phân bố: Rừng thứ sinh sau nương rẫy ở Phi Liêng (Đam Rông). Đây là loài lần đầu tiên ở Việt Nam gặp phân bố ngoài tự nhiên.



Hình 6. *Mussaenda philippica* A. Rich.

- Bướm bạc lông - *Mussaenda pubescens* W. T. Aiton Hortus Kew. 1: 372-373. 1810.

Phân bố: Rừng lá kim ở Đà Lạt, Păng Tiên (Lạc Dương).

Công dụng: Trị cảm mạo, sổ mũi, say nắng; viêm khí quản, sung amydal, viêm hầu họng;

viêm thận phù thũng, viêm ruột ỉa chảy; chảy máu tử cung; rắn cắn; viêm mủ da (Võ Văn Chi, 1997; Phạm Hoàng Hộ, 2000; Đỗ Tất Lợi, 2000).

Mẫu khảo sát: VTN1555, VTN1566 (hình 7);
Mẫu so sánh: P03828163 (P).



Hình 7. *Mussaenda pubescens* Ait.F.

- Bướm bạc Squire - *Mussaenda squiresii* Merr. J. Arnold Arbor. 19: 68. 1938.

Phân bố: Ven rừng kín thường xanh mưa ẩm khu vực Cổng Trời thuộc Vườn quốc gia Bidoup (Lạc Dương).

Mẫu nghiên cứu: VTN1556 (hình 8); Mẫu so sánh: MBG1035616 (Isotype. MBG).



Hình 8. *Mussaenda squiresii* Merr.

- Bướm bạc trà - *Mussaenda theifera* Pierre ex Pit. *Fl. Indo-Chine* 3: 184. 1923.

Phân bố: Ven rừng thường xanh mưa ẩm ở Đon Dương và đầu đèo Sông Pha (Đon Dương) khu vực giáp ranh với Ninh Thuận.

Công dụng: Dùng uống thay trà để trị bệnh sốt (Phạm Hoàng Hộ, 2000; Võ Văn Chi, 1997).

Mẫu nghiên cứu: VTN1560 (hình 9); Mẫu so sánh: P02273435 (Isotype. P).



Hình 9. *Mussaenda theifera* Pierre ex Pit.

- Bướm bạc Thorel - *Mussaenda thorelii* Pit. *Fl. Indo-Chine* 3: 188 1923.

Phân bố: Rừng hỗn giao cây lá rộng và tre nứa và rừng thường xanh mưa ẩm khu vực đèo Chuối (Madagui - Đạ Huoai), đèo Bảo Lộc

(Đạ Huoai), Phước Cát 2 (Cát Tiên), Mỹ Đức (Đạ Tẻh).

Mẫu nghiên cứu: VTN1558, VTN1563, VTN1565, TN3/681 (hình 10); Mẫu so sánh: P03800665 (P).



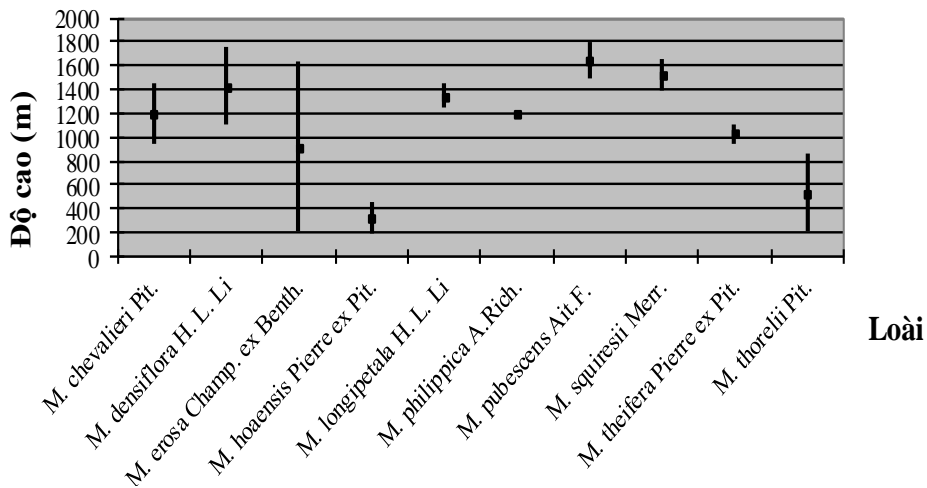
Hình 10. *Mussaenda thorelii* Pit.

3.2. Đặc điểm phân bố của các loài thuộc chi Bướm bạc (*Mussaenda* L.) ở Lâm Đồng

3.2.1. Phân bố của các loài Bướm bạc theo độ cao

Theo kết quả điều tra thì chi Bướm bạc ở Lâm Đồng có mặt từ độ cao 180m tới 1.800m so với mực nước biển. Khi xét riêng từng loài thì thấy có những loài chỉ phân bố ở khu vực có

độ cao nhất định. Biểu đồ 2 thể hiện sự phân bố của các loài theo độ cao cho thấy: Loài *Mussaenda hoaensis* Pierre ex Pit. chỉ có mặt ở dải độ cao 180 - 450m. Loài *Mussaenda pubescens* Ait. F. phân bố ở độ cao từ 1.500 - 1.800m. Loài *Mussaenda erosa* Champ. Ex Benth. có phân bố rộng từ độ cao 200 - 1.640m. Loài *Mussaenda philippica* A. Rich. chỉ phát hiện ở một điểm duy nhất ở độ cao 1.200m.

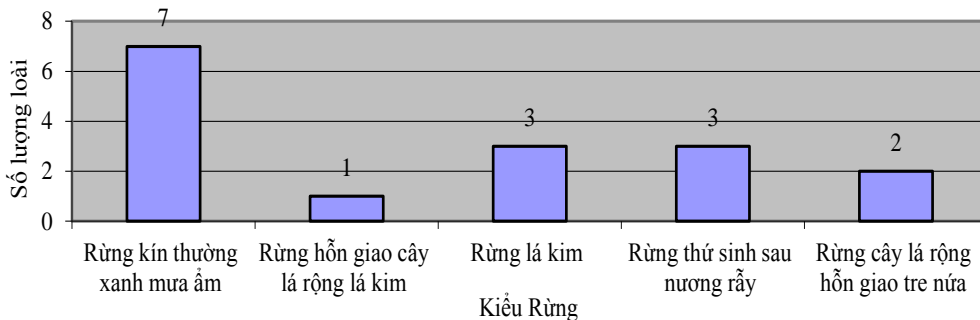


Biểu đồ 2. Sự phân bố của các loài Bướm bạc theo độ cao

3.2.2. Phân bố của các loài Bướm bạc theo kiểu thảm thực vật

Kết quả điều tra thực địa ghi nhận môi trường sống thường gặp của chi Bướm bạc là ven rừng, ven đường quốc lộ nơi có nhiều ánh sáng hay ven suối nơi có độ ẩm cao và ở nhiều kiểu rừng khác nhau. Biểu đồ 3 thể hiện sự phân bố của các loài Bướm bạc theo từng kiểu rừng, trong đó rừng kín thường xanh mưa ẩm có số

lượng loài nhiều nhất là 7 loài và rừng hỗn giao cây lá rộng lá kim chỉ có 1 loài *Mussaenda densiflora* H. L. Li. Như vậy, độ ẩm cao và ven rừng có nhiều ánh sáng của rừng thường xanh là điều kiện thích hợp cho các loài Bướm bạc phát triển. Để bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên cây cảnh này có thể trồng ở những con đường và công viên nơi có nhiều ánh sáng.



Biểu đồ 3. Số lượng loài Bướm bạc có ở các kiểu rừng

IV. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát ở Lâm Đồng đã xác định được 10 loài Bướm bạc bao gồm: *Mussaenda chevalieri* Pit., *Mussaenda densiflora* H. L. Li, *Mussaenda erosa* Champ. Ex Benth., *Mussaenda hoaensis* Pierre ex Pit., *Mussaenda longipetala* H. L. Li, *Mussaenda philippica* A. Rich., *Mussaenda pubescens* Ait. F., *Mussaenda squiresii* Merr., *Mussaenda theifera* Pierre ex Pit., *Mussaenda thorelii* Pit.. Chi Bướm bạc phân bố ở hầu hết các kiểu rừng ở Lâm Đồng từ độ cao 180 - 1.800m. Loài phân bố rộng nhất là *Mussaenda erosa* Champ. Ex Benth. và hẹp nhất là *Mussaenda*

philippica A. Rich. Loài có phân bố cao nhất là *Mussaenda pubescens* Ait. F. và thấp nhất là *Mussaenda hoaensis* Pierre ex Pit. Đa số các loài Bướm bạc là những cây ưa sáng nên có thể trồng làm cảnh. Trong 10 loài có ở Lâm Đồng thì có 2 loài đã được sử dụng làm thuốc.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Chương trình hỗ trợ cán bộ khoa học trẻ đã tài trợ kinh phí để thực hiện nghiên cứu này. Ngoài ra, cũng xin cảm ơn lãnh đạo của các Ban quản lý rừng và Vườn quốc gia đã giúp đỡ và tạo điều kiện về hiện trường điều tra, nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Văn Chi, 1997. Từ điển cây thuốc Việt Nam. Nhà xuất bản Y học.
2. Phạm Hoàng Hộ, 2000. Cây cỏ Việt Nam, quyển III. Nhà xuất bản trẻ.
3. Đỗ Tất Lợi, 2000. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam. Nhà xuất bản Y học.
4. Trần Đình Lý, 1993. 1900 loài cây có ích ở Việt Nam. Nhà xuất bản Thế giới.
5. Chen Tao, 2011. Flora of China 19: 231-242. *Mussaenda* Linnaeus, Sp. Pl. 1: 177. 1753.
6. Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997. Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
7. Nguyễn Thanh Tú, Phạm Hồng Ban và Đỗ Ngọc Đài, 2015. Đa dạng họ Cà phê ở xã Châu Hoàn và Diên Lâm thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống, Nghệ An. Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 6.
8. Pranom Chantaranothai, 2015. A synopsis of *Mussaenda* L. (Rubiaceae) in hailand. Thai for. Bull. (Bot.) 43: 51-65.
9. Thái Văn Trùng, 1978. Thảm thực vật rừng Việt Nam. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội.
10. X. F. Deng & D. X. Zhang, 2008. Revision of *Schizomussaenda* (Rubiaceae). Blumea 53: 385-392.

Người thẩm định: PGS.TS. Nguyễn Hoàng Nghĩa